



# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 16 + 17

Ngày 01 tháng 01 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### PHÂN VẤN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 01-12-2022- Quyết định số 4150/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương. 3
- 01-12-2022- Quyết định số 4153/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. 27
- 06-12-2022- Quyết định số 4264/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. 31

- 06-12-2022- Quyết định số 4265/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong một ngày làm việc thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao. 43
- 06-12-2022- Quyết định số 4270/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. 51
- 12-12-2022- Quyết định số 4308/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố. 75

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4150/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

*Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 6550/TTr-SCT ngày 09 tháng 11 năm 2022,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 03 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương đã được tái cấu trúc.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có số thứ tự: III.19, III.20, III.21 tại Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết nhóm thủ tục hành chính theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố và nhóm quy trình liên thông giữa sở, ban, ngành với Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (đợt 1).

---

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC  
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4150/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình nội bộ</b>
<b>I. Lĩnh vực Thương mại Quốc tế</b>	
1	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh
2	Gia hạn giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh
3	Điều chỉnh giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh

**QUY TRÌNH 01****Cấp Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài  
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4150/QĐ-UBND 01 tháng 12 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>Stt</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đơn xin thành lập Hiệp hội (01 bản tiếng Việt Nam, 01 bản tiếng nước ngoài thông dụng)	01	Bản chính
2	Điều lệ hoạt động của Hiệp hội (01 bản tiếng Việt Nam, 01 bản tiếng nước ngoài) <sup>(1)</sup>	01	Bản chính
3	Văn bản giới thiệu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	01	Bản chính
4	Hồ sơ về trụ sở làm việc <sup>(2)</sup> , điện thoại, fax	01	Bản chính
5	Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban lãnh đạo Hiệp hội kèm theo ảnh 4x6 <sup>mm</sup> (từng thành viên)	01	Bản chính
6	Danh sách các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam tham gia Hiệp hội (tên doanh nghiệp và họ tên, số hộ chiếu, nơi đăng ký tạm trú /thường trú tại Việt Nam)	01	Bản chính

**Lưu ý:**

*(1) Điều lệ hoạt động của Hiệp hội có đầy đủ chữ ký các Hội viên*

*(2) Hợp đồng thuê địa điểm hoặc giấy tờ có giá trị tương đương; tài liệu về địa điểm*

**\*\* Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì doanh nghiệp gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.**

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Phí thẩm định</b>
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ <sup>1</sup>	Không

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	<b>Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ</b>	Bộ phận một cửa	½ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.</li> </ul>
B3	<b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng Thương nhân	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ

<sup>1</sup> Theo quy định là 22 ngày làm việc, đơn vị thực hiện tái cấu trúc giảm 08 ngày làm việc so với quy định



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		nước ngoài			
B4	<b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b>	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Thương nhân nước ngoài	08 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo văn bản lấy ý kiến các cơ quan đơn vị.</li> <li>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy phép hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do) trình lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét.</li> </ul>
B5	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo phòng Thương nhân Nước ngoài	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy phép hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do).</li> <li>- Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.</li> </ul>
B6	<b>Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC</b>	Lãnh đạo Văn phòng	1/2 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung:</li> <li>- Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm.</li> <li>- Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					30/2020/NĐ-CP
B7	<b>Phê duyệt kết quả TTHC</b>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy phép hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B8	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B9	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (Mẫu số 01 – Quyết định 972/1999/QĐ-UB-KT)
5	BM 05	Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (Mẫu số 02 – Quyết định 972/1999/QĐ-UB-KT)

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (Mẫu số 01 – Quyết định 972/1999/QĐ-UB-KT)
5	BM 05	Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (Mẫu số 02 – Quyết định 972/1999/QĐ-UB-KT)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22/01/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại VN.

- Quyết định số 972/1999/QĐ-UB-KT ngày 12/02/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế thực hiện việc thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại TP. HCM.

- Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

**Mẫu số 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP**  
**HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI**  
**TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: Ngài Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Thưa ngài,

Tôi tên: ..... với tư cách là sáng lập viên thay mặt cho ..... Doanh nghiệp thành viên thuộc quốc tịch ..... đang hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh ký tên dưới đây xin thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung như sau:

- Tên gọi của Hiệp hội: .....
- Mục đích xin thành lập Hiệp hội: .....
- Lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội: .....
- Thời gian hoạt động của Hiệp hội dự kiến là ..... năm.

Chúng tôi cam kết trong thời gian hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội Doanh nghiệp ..... và các thành viên có trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam và hoạt động đúng theo giấy phép được cấp./.

Trân trọng,

**CHỦ TỊCH HIỆP HỘI**  
(ký tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Điều lệ hoạt động của Hiệp hội có đầy đủ chữ ký các hội viên;
- Danh sách các đại diện doanh nghiệp xin tham gia;
- Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban lãnh đạo Hiệp hội (có ảnh 4 x 6 kèm theo);
- Văn bản giới thiệu của Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Hồ sơ về trụ sở làm việc

**Mẫu số 2**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-HHDN/HCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**GIẤY PHÉP****THÀNH LẬP HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM****GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Thành phố;

Căn cứ Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội Doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam của ..... tại Việt Nam và đề xuất của Phòng Thị trường và Thương nhân nước ngoài,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép thành lập Hiệp hội Doanh nghiệp ..... tại Việt Nam, trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên gọi: ..... tại Việt Nam

Tên tiếng Anh: .....

Tên viết tắt: .....

Trụ sở chính: ....., Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Điều 2.** Nội dung hoạt động của ..... tại Việt Nam phải đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 4 của Quy chế thành lập Hiệp hội Doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam, ban hành kèm theo Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ và Điều lệ đã đăng ký (tháng .... năm .....) với Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chủ tịch ..... tại Việt Nam có trách nhiệm theo dõi các hoạt động của Hiệp hội đúng theo nội dung Điều lệ đã đăng ký và là đầu mối để liên lạc với Chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh trong việc đảm bảo thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 4.** Giấy phép này được lập thành 03 (ba) bản gốc, một bản cấp cho ..... tại Việt Nam, một bản đăng ký tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, một bản lưu tại Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 5.** Giấy phép này có giá trị 05 (năm) năm kể từ ngày cấp.

Mọi hoạt động của....., các thành viên và nhân viên của văn phòng phải tuân thủ theo Luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và những quy định ban hành kèm theo Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ./.

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- UB Công tác phi Chính phủ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Ngoại vụ;
- Công an Thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TTTNN.12

**QUY TRÌNH 02****Gia hạn giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài  
tại thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4150/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thành lập Hiệp hội	01	Bản chính
2	Báo cáo tóm tắt hoạt động của Hiệp hội trong thời gian giấy phép có hiệu lực <sup>(1)</sup>	01	Bản chính

**Lưu ý:**  
(1) Đính kèm: danh sách Hội viên Hiệp hội và Biên bản họp thống nhất gia hạn hoạt động HHDN

**\*\* Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì doanh nghiệp gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.**

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ <sup>2</sup>	Không

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I

<sup>2</sup> Theo quy định là 22 ngày làm việc, đơn vị thực hiện tái cấu trúc giảm 08 ngày làm việc so với quy định

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B2	<b>Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ</b>	Bộ phận một cửa	½ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.</li> </ul>
B3	<b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>	Lãnh đạo phòng Thương nhân nước ngoài	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	<b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b>	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Thương nhân nước ngoài	08 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo văn bản lấy ý kiến các cơ quan đơn vị (nếu có nội dung cần lấy ý kiến).</li> <li>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Quyết định gia hạn hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do) trình lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét.</li> </ul>



Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B5	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo phòng Thương nhân Nước ngoài	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Quyết định gia hạn hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do).</li> <li>- Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.</li> </ul>
B6	<b>Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC</b>	Lãnh đạo Văn phòng	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm.</li> <li>- Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP</li> </ul>
B7	<b>Phê duyệt kết quả TTHC</b>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy phép hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B8	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B9	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê</b>	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân</li> <li>- Thống kê, theo dõi.</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	và theo dõi				

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Quyết định gia hạn thời gian hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (mẫu tham khảo)

#### V. HỒ SƠ CÀN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Văn bản đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (mẫu tham khảo)
5	BM 05	Quyết định gia hạn thời gian hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (mẫu tham khảo)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

#### VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22/01/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại VN.

- Quyết định số 972/1999/QĐ-UB-KT ngày 12/02/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế thực hiện việc thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại TP. HCM.

---

- Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-SCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc gia hạn thời gian hoạt động của  
Hiệp hội ..... tại Việt Nam**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Thành phố;

Căn cứ Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội Doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép thành lập Hiệp hội ..... số ...../GP-HHDN/HCM ngày ..... tháng ... năm ..... của Ủy ban nhân dân Thành phố và quyết định số .... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ..... của Ủy ban nhân dân Thành phố về gia hạn thời gian hoạt động của Hiệp hội ..... tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam của ..... tại Việt Nam và đề xuất của Phòng Thị trường và Thương nhân nước ngoài,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Gia hạn thời gian hoạt động của ..... tại Việt Nam đến ngày ... tháng ... năm .....

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không thể tách rời của Giấy phép số .... /GP-HHDN/HCM ngày .... tháng ..... năm ..... của Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập ..... tại Việt Nam.

**Điều 3.** ..... tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND Thành phố;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- UB Công tác phi Chính phủ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Ngoại vụ;
- Công an Thành phố;
- Lưu: VT, TTTNN.10

**QUY TRÌNH 03****Điều chỉnh giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài  
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4150/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>Stt</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép thành lập Hiệp hội (theo mẫu) – mẫu nào ?	01	Bản chính
2	Hồ sơ về trụ sở làm việc <sup>(1)</sup> , điện thoại, fax (nếu có điều chỉnh)	01	Bản chính
3	Điều lệ mới của Hiệp hội <sup>(2)</sup> (nếu có điều chỉnh)	01	Bản chính
4	Biên bản của Ban Lãnh đạo thống nhất thay đổi Điều lệ (nếu có điều chỉnh)	01	Bản chính

**Lưu ý:**

(1) Hợp đồng thuê địa điểm hoặc giấy tờ có giá trị tương đương; tài liệu pháp lý về địa điểm

(2) Bao gồm tên Hiệp hội, trụ sở (nếu có ghi nhận trong Điều lệ) và các nội dung khác

**\*\* Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì doanh nghiệp gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.**

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>	<b>Phí thẩm định</b>
Bộ phận Một cửa – Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ <sup>3</sup>	Không

<sup>3</sup> Theo quy định là 22 ngày làm việc, đơn vị thực hiện tái cấu trúc giảm 08 ngày làm việc so với quy định

### III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	½ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> <li>- Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.</li> </ul>
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thương nhân nước ngoài	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Thương nhân nước ngoài	08 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo văn bản lấy ý kiến các cơ quan đơn vị (nếu có nội dung cần lấy ý kiến).</li> <li>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo kết quả giải</li> </ul>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					quyết thủ tục hành chính (Quyết định điều chỉnh hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do) trình lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét.
B5	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo phòng Thương nhân Nước ngoài	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Quyết định điều chỉnh hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do).</li> <li>- Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.</li> </ul>
B6	<b>Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC</b>	Lãnh đạo Văn phòng	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm.</li> <li>- Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.</li> <li>- Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP</li> </ul>
B7	<b>Phê duyệt kết quả TTHC</b>	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Quyết định điều chỉnh hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B8	<b>Ban hành</b>	Văn thư	½ ngày làm	Hồ sơ đã được phê	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/ Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
	<b>văn bản</b>	Sở	việc	duyệt	chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B9	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

#### **IV. BIỂU MẪU**

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

<b>Stt</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên biểu mẫu</b>
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Quyết định điều chỉnh Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (mẫu tham khảo)



**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

<b>Stt</b>	<b>Mã hiệu</b>	<b>Tên biểu mẫu</b>
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (mẫu tham khảo)
5	BM 05	Quyết định điều chỉnh Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh (mẫu tham khảo)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22/01/1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại VN.

- Quyết định số 972/1999/QĐ-UB-KT ngày 12/02/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế thực hiện việc thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại TP. HCM.

- Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-SCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về điều chỉnh Giấy phép thành lập  
Hiệp hội ..... tại Việt Nam**

### **GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương Thành phố;

Căn cứ Nghị định số 08/1998/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ ban hành Quy chế thành lập Hiệp hội Doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp .....tại Việt Nam số ..... ngày .... tháng ..... năm .....

Xét Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam của ..... tại Việt Nam và đề xuất của Phòng Thị trường và Thương nhân nước ngoài,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận điều chỉnh thông tin trụ sở chính .....tại Việt Nam quy định tại Điều 1 Giấy phép số ..... ngày ... tháng .... năm ..... của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, như sau: .....

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép số ..... do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày .... tháng .... năm .....

**Điều 3.** Hiệp hội ..... tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- HHDN Hồng Kông tại Việt Nam;
- UBND Thành phố;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- UB Công tác phi Chính phủ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Ngoại vụ;
- Công an Thành phố;
- Lưu: VT, TTTNNN.10

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Huỳnh Minh Tú

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4153/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 11124/TTr-SKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực phụ trách.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;</li><li>- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;</li><li>- Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;</li><li>- Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li></ul>

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
2	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"><li>- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;</li><li>- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;</li><li>- Quyết định số 1014/QĐ-BKHĐT ngày 03/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</li></ul>

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4264/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 33987/TTr-SLĐTBXH ngày 16 tháng 11 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ về giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-boTTHC.aspx>.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật;

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

## **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình nội bộ</b>
<b>Quy trình nội bộ phê duyệt mới</b>	
<b>I. Lĩnh vực Việc làm</b>	
1	Quy trình hủy quyết định về việc hỗ trợ học nghề
2	Quy trình hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp

**QUY TRÌNH 1****Hủy Quyết định về việc hỗ trợ học nghề**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4264/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ:**

STT	Tên hồ Sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Quyết định về việc hỗ trợ học nghề	01	Bản chính
02	Phiếu hẹn trả kết quả	01	Bản lưu

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ:**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trung tâm dịch vụ việc làm Thành phố (Phòng Đào tạo - Dịch vụ tư vấn lao động): số 153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh	Hai (02) ngày làm việc kể từ ngày người lao động hết hạn nhận quyết định theo phiếu hẹn trả kết quả.	Không

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC:**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/biểu mẫu	Diễn giải
B1	<b>Kiểm tra, đề xuất kết quả giải quyết</b>	Chuyên viên phòng Đào tạo - Dịch vụ tư vấn lao động	02 giờ làm việc	Phiếu hẹn trả kết quả Quyết định về việc hỗ trợ học nghề Dự thảo Quyết định hủy kết quả	Trong 03 ngày làm việc được ghi trên phiếu hẹn trả kết quả, nếu người lao động không đến nhận quyết định về việc hỗ trợ học nghề hoặc không ủy quyền cho người khác đến nhận quyết định và không thông báo cho trung tâm dịch vụ việc làm về lý do không thể đến nhận thì được coi là không có nhu cầu hỗ trợ

					trợ học nghề. Chuyên viên tổng hợp xem xét hồ sơ, xuất danh sách và dự thảo Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề trình lãnh đạo phòng về Quyết định hủy kết quả
B2	<b>Xem xét, đề xuất kết quả giải quyết</b>	Lãnh đạo phòng Đào tạo - Dịch vụ tư vấn lao động	02 giờ làm việc	- Quyết định về việc hỗ trợ học nghề - Phiếu hẹn trả kết quả	Trình Lãnh đạo Trung tâm Danh sách và Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề.
B3	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm Thành phố	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình dự thảo Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề	Lãnh đạo Trung tâm xem xét hồ sơ, ký nháy Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề, ký danh sách trình Lãnh đạo Sở ký duyệt.
B4	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình dự thảo Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và ký duyệt Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề
B5	<b>Phát hành văn bản, lưu hồ sơ</b>	Chuyên viên phòng Đào tạo - Dịch vụ tư vấn lao động	0,5 ngày làm việc	Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề	- Thực hiện lấy số, đóng dấu, phát hành văn bản: gửi 01 bản đến Bảo hiểm xã hội Thành phố; 01 bản đến cơ sở đào tạo nghề nghiệp; 01 bản đến người lao động; - Thống kê và theo dõi.

**IV. BIỂU MẪU**

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	//	Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề (theo mẫu số 5 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ)

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU TRỮ:**

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	//	Quyết định về việc hủy Quyết định hỗ trợ học nghề
2	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ:**

- Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;
- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;
- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp

#### GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ;*

*Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);*

*Căn cứ Quyết định số ..... ngày ....tháng....năm... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm.....*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Hủy Quyết định số.....ngày.....tháng...năm..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội..... về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với ông/bà ..... vì trong 03 ngày làm việc ghi trong phiếu hẹn trả kết quả, ông/bà không đến nhận Quyết định nêu trên và cũng không thông báo cho Trung tâm Dịch vụ việc làm về lý do không thể đến nhận Quyết định.

**Điều 2.** Thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của ông/bà tại Quyết định số ..... nêu trên sẽ được bảo lưu để làm cơ sở tính hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo khi ông/bà đáp ứng đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.....; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm..... và ông/bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT,....

#### GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**QUY TRÌNH 2****Hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định 4264/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ:**

STT	Tên hồ Sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp	01	Bản chính
2	Phiếu hẹn trả kết quả	01	Bản lưu

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ:**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trung tâm dịch vụ việc làm Thành phố (Phòng bảo hiểm thất nghiệp): số 106/14D Điện Biên Phủ, Phường 17, quận Bình Thạnh	Hai (02) ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến nhận quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp được ghi trên phiếu hẹn trả kết quả.	Không

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC:**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B1	<b>Kiểm tra, đề xuất kết quả giải quyết</b>	Chuyên viên phòng bảo hiểm thất nghiệp	02 giờ làm việc	Phiếu hẹn trả kết quả Quyết định về việc hỗ trợ học nghề Dự thảo Quyết định hủy kết quả	Trong 03 ngày làm việc được ghi trên phiếu hẹn trả kết quả, nếu người lao động không đến nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc không ủy quyền cho người khác đến nhận quyết định và không thông báo cho trung tâm dịch vụ việc làm về lý do không thể đến nhận thì được coi là không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp. Chuyên viên tổng hợp xem xét hồ sơ, xuất danh sách và dự thảo Quyết định về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp trình lãnh đạo phòng về Quyết định hủy kết quả
B2	<b>Kiểm tra hồ sơ Xem xét, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b>	Lãnh đạo phòng bảo hiểm thất nghiệp	02 giờ làm việc	Quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp Phiếu hẹn trả kết quả	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, trình Lãnh đạo Trung tâm Danh sách và Quyết định về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp

B3	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình dự thảo Quyết định về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp	Lãnh đạo Trung tâm xem xét hồ sơ, ký nháy Quyết định về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, ký danh sách và trình lãnh đạo Sở ký duyệt
B4	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở Lao động Thương binh và Xã hội	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình dự thảo Quyết định về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và ký duyệt Quyết định về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp
B5	<b>Phát hành văn bản, lưu hồ sơ</b>	Chuyên viên phòng Bảo hiểm thất nghiệp	0,5 ngày làm việc	Quyết định về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp	- Thực hiện lấy số, đóng dấu, phát hành văn bản: gửi 01 bản đến Bảo hiểm xã hội Thành phố; 01 bản đến người lao động; - Thống kê và theo dõi.

**IV. BIỂU MẪU:**

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	//	Quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp (theo mẫu số 2 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ)

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU TRỮ:**

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	//	Quyết định về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp
2	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ:**

- Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013.



---

- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 3 năm 2015, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp.

- Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ngày 31 tháng 7 năm 2015, Hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP...  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### QUYẾT ĐỊNH

#### Về việc hủy Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp

#### GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [28/2015/NĐ-CP](#) ;

Căn cứ..... (văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội);

Căn cứ Quyết định số ..... ngày .....tháng.....năm... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm.....

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Hủy Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với ông/bà ..... vì trong 03 ngày làm việc ghi trong phiếu hẹn trả kết quả, ông/bà không đến nhận Quyết định nêu trên và cũng không thông báo cho Trung tâm Dịch vụ việc làm về lý do không thể đến nhận Quyết định.

**Điều 2.** Thời gian đã đóng bảo hiểm thất nghiệp của ông/bà tại Quyết định số ..... nêu trên sẽ được bảo lưu để làm cơ sở tính hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo khi ông/bà đáp ứng đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố.....; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm..... và ông/bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT,....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4265/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong một ngày làm việc thuộc phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 5102/TTr-SVHTT ngày 10 tháng 11 năm 2022,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong một ngày làm việc đối với Thủ tục Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp phạm vi quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao đã được tái cấu trúc.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được tái cấu trúc khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung liên quan đến quy trình nội bộ số 21 ban hành kèm theo Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Văn hóa và Thể thao.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Phan Văn Mãi**

**QUY TRÌNH****Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4265/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai quật khẩn cấp của tổ chức chủ trì thăm dò, khai quật khảo cổ (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Sơ đồ tỉ lệ 1:500, thể hiện rõ vị trí, diện tích địa điểm khảo cổ cần khai quật khẩn cấp.	01	Bản chính
03	Văn bản đề nghị cấp phép thăm dò, khai quật khảo cổ của tổ chức phối hợp khai quật khẩn cấp (nếu có).	01	Bản chính

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ**

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa - Sở Văn hóa và Thể thao, địa chỉ: 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1.	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Kiểm tra hồ sơ</b>	Bộ phận một cửa		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</li> <li>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</li> </ul>
B2	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b>	Bộ phận một cửa	30 phút	Theo mục I BM 01	Công chức Bộ phận Một cửa scan dữ liệu hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuyển hồ sơ cho Phòng Quản lý Di sản văn hóa
B3	<b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>	Lãnh đạo Phòng Quản lý Di sản văn hóa	30 phút	Theo mục I BM 01	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công công chức thụ lý hồ sơ
B4	<b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC</b>	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Quản lý Di sản văn hóa	4 giờ	Theo mục I BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét, kiểm tra hồ sơ theo quy định; lấy ý kiến đơn vị có liên quan (nếu có):</li> <li>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, lập tờ trình và dự thảo kết quả trình Lãnh đạo phòng xem xét.</li> </ul>

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B5	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo Phòng Quản lý Di sản văn hóa	60 phút	Theo mục I BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản trình lãnh đạo Sở ký duyệt.
B6	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở	60 phút	Theo mục I BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo kết quả	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ và ký duyệt tờ trình kèm dự thảo kết quả giải quyết
B7	<b>Ban hành văn bản</b>	Văn thư Sở	60 phút	Theo mục I BM 01 - Hồ sơ trình - kết quả	Văn thư thực hiện cho số, đóng dấu, phát hành văn bản Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	<b>Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi</b>	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức. - Thống kê, theo dõi.

**IV. BIỂU MẪU**

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có)
4	BM 05	Mẫu văn bản đề nghị cấp phép khai quật khẩn cấp

**V. HỒ SƠ CẦN LƯU**

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ (nếu có)
4	//	Hồ sơ theo mục I
5	//	Kết quả giải quyết TTHC
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

**VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2002.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 02 năm 2012.



---

- Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Quy chế thăm dò khai quật khảo cổ. Có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 01 năm 2009.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 4713/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân về Ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

**PHỤ LỤC 3***Mẫu văn bản đề nghị cấp phép khai quật khẩn cấp*

TÊN CƠ QUAN CHỦ  
QUẢN  
Tên cơ quan, tổ chức  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----

Số ..... Tên tỉnh (thành phố), ngày ..... tháng ..... năm 200...

**Kính gửi:** .....

1. Giới thiệu về vị trí địa lý, tọa độ, ý nghĩa, giá trị của địa điểm khảo cổ.
2. Nguyên nhân đe dọa sự tồn tại của địa điểm khảo cổ đang có nguy cơ bị hủy hoại.
3. Ước đoán niên đại của di chỉ, di vật (kèm theo ảnh của di chỉ, di vật và các tài liệu có liên quan).
4. Mục đích khai quật khẩn cấp.
5. Tổ chức chủ trì khai quật khẩn cấp.
6. Người chủ trì khai quật khẩn cấp.
7. Tổ chức phối hợp khai quật khẩn cấp (nếu có).
8. Vị trí địa điểm dự kiến khai quật khẩn cấp.
8. Diện tích khai quật khẩn cấp.
9. Thời gian khai quật khẩn cấp.
10. Đề xuất cơ quan, tổ chức được giao lưu giữ hiện vật thu thập được trong quá trình khai quật khẩn cấp.

**Nơi nhận:**

- Như trên (kèm sơ đồ vị trí khai quật khẩn cấp);
- .....
- Lưu .....

**Thủ trưởng đơn vị**

(ghi rõ chức danh)  
(Ký tên và đóng dấu)  
Họ và tên của người ký

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4270/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2022*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10151/TTr-STNMT-VP ngày 25 tháng 11 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 15 thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, gồm: 13 thủ tục hành chính mới và 02 thủ tục hành chính sửa đổi.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục có thứ tự A.I.1, A.I.2 ban hành kèm Quyết định số 1774/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4270/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực đất đai</b>						
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất <b>ngoài</b> khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cảng hàng không, sân bay dân dụng thuộc thẩm	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		quyền quyết định của UBND cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Đất đai)		tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất <b>ngoài</b> khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cảng hàng không, sân bay dân dụng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chức năng ngoại giao		trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Đất đai)		- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
3	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất,	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất <b>ngoài</b> khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cảng hàng không, sân bay dân	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của	Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT a) Đơn xin giao đất, cho thuê đất b) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao		dụng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Đất đai)		Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;  - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	hoặc trích đo địa chính thửa đất. <b>c)</b> Bản sao bản thuyết minh dự án đầu tư đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; <b>d)</b> Bản sao báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trình. Trường hợp xin giao đất cho cơ sở tôn giáo thì phải có báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tôn giáo.
4	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất <b>ngoài</b> khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cảng hàng không, sân bay dân	Không	- Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của	Thành phần hồ sơ theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT a) Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			dung thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Đất đai)		Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
5	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt	40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63, Lý Tự Trọng, Quận 1)	Không	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất,	Thời gian giải quyết 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
6	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người	40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 63 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	- Luật Đất đai năm 2013. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai. - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; - Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của	Thời gian giải quyết 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
7	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01/7/2004	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất <b>ngoài</b> khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cảng hàng không, sân bay dân dụng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh theo quy định	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			tại Khoản 1 Điều 59 Luật Đất đai)		<p>nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
8	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 63 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Không	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 1686/QĐ-</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp				BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
9	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tài nguyên và Môi trường (địa chỉ: Số 63 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1)	Lệ phí chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi được cấp Giấy chứng nhận đối với tổ chức theo Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố	<p>Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 sửa</li> </ul>	



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	

**A2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA NHIỀU CƠ QUAN (SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN)**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<b>Lĩnh vực đất đai</b>				
1	Thu hồi đất vì mục	- Thời gian từ khi ban hành Thông	- Sở Tài nguyên	Không	- Luật Đất đai năm 2013;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/ cấp huyện)</p>	<p><i>báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi đất: 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp.</i></p> <p><i>- Thời gian ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc: 10 ngày kể từ ngày người sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã vận động, thuyết phục thực hiện Thông báo thu hồi đất.</i></p> <p><i>- Thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</i></p> <p><i>- Thời gian bàn giao đất đối với trường hợp người bị cưỡng chế thu hồi đất chấp hành quyết định cưỡng chế: 30 ngày kể từ ngày Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự chấp hành của người có đất bị thu hồi.</i></p>	<p>và Môi trường (63 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1).</p> <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</li> <li>- Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế phối hợp thực hiện trong việc thu hồi đất,</li> </ul>

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
					bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để áp dụng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**A3. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<b>Lĩnh vực đất đai</b>					
1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</li> <li>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi,</li> </ul>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Quyết định số 1686/QĐ-BTNMT ngày 30/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
2	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở	40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<p>- Luật Đất đai năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</p> <p>- Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất</p>	Thời gian giải quyết 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	hữu nhà ở tại Việt Nam				đại thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
3	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</li> <li>- Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>	Thời gian giải quyết 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực đất đai</b>					
1	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với cá nhân, hộ gia đình theo Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND Thành phố <sup>ii</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</li> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>
2	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Lệ phí chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi được cấp Giấy chứng nhận đối với cá nhân, hộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của</li> </ul>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	với hộ gia đình, cá nhân			gia đình theo Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của UBND Thành phố <sup>iii</sup>	<p>Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;</li> <li>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</li> </ul>



<sup>i</sup> Lệ phí chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi được cấp Giấy chứng nhận đối với tổ chức theo Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu hiện đang áp dụng và mức thu đề xuất		
			Tổ chức		
			Dưới 500m <sup>2</sup>	Từ 500m <sup>2</sup> đến dưới 1.000m <sup>2</sup>	Trên 1.000m <sup>2</sup>
<b>II. Chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận</b>					
1	Đăng ký thay đổi chỉ có quyền sử dụng đất	đồng/lần	20.000	20.000	20.000
4	Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/lần	020.000	20.000	20.000

<sup>ii</sup> Lệ phí cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với cá nhân, hộ gia đình theo Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu hiện đang áp dụng và mức thu đề xuất	
			Cá nhân, hộ gia đình	
			Quận	Huyện
<b>I. Cấp Giấy chứng nhận lần đầu</b>				
1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/giấy	25.000	0
2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	đồng/giấy	100.000	100.000
3	Cấp giấy chứng nhận chỉ có tài sản gắn liền với đất	đồng/giấy	100.000	100.000

<sup>iii</sup> Lệ phí chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi được cấp Giấy chứng nhận đối với cá nhân, hộ gia đình theo Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố

TT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu hiện đang áp dụng và mức thu đề xuất	
			Cá nhân, hộ gia đình	
			Quận	Huyện
<b>II. Chứng nhận đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận</b>				
1	Đăng ký thay đổi chỉ có quyền sử dụng đất	đồng/lần	15.000	7.500
4	Cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/lần	20.000	10.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4308/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường  
thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố tại Tờ trình số 3420/TTr-BQL ngày 29 tháng 11 năm 2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 08 thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố gồm: 05 thủ tục hành chính mới và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ

<https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố cho thủ tục IV.1, IV.2, IV.3 ban hành kèm theo Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

## DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

### THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4308/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

#### A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Lĩnh vực môi trường					
1.	Cấp giấy phép môi trường	- 15 ngày, đối với các trường hợp sau đây: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây:	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Phường ĐaKao, Quận 1) tiếp nhận đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân	- Đối tượng 1: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) - Đối tượng 2: 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm ngàn đồng) - Đối tượng 3: 19.300.000đ (Mười chín triệu ba trăm ngàn đồng)	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;	<b>1. Điều chỉnh Cách thức thực hiện:</b> - <i>Nộp hồ sơ:</i> Gửi trực tiếp đến Ban Quản lý - <i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Trực tiếp tại Ban Quản lý. <b>2. Điều chỉnh Cơ quan giải quyết thủ tục</b>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p> <p>- 30 ngày, đối với các trường hợp còn lại.</p>	<p>Thành phố Hồ Chí Minh trong các khu chế xuất, khu công nghiệp</p>	<p>- Đối tượng 4: 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm ngàn đồng)</p> <p>- Đối tượng 5: 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng).</p>	<p>trường.</p> <p>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng</p>	<p><b><i>hành chính:</i></b></p> <p>- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.</p> <p>- <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố</p>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành</li> </ul>	

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					phố Hồ Chí Minh tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.	
2.	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Phường ĐaKao, Quận 1) tiếp nhận đối với các dự án đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài</li> </ul>	<p><b>1. Điều chỉnh</b> <b>Cách thức thực hiện:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Nộp hồ sơ:</i> Gửi trực tiếp đến Ban Quản lý</li> <li>- <i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Trực tiếp tại Ban Quản lý.</li> </ul>



T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong các khu chế xuất, khu công nghiệp		<p>nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi</li> </ul>	<p><b>2. Điều chỉnh Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.</li> <li>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố</li> </ul>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;</p>	

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.	
3.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Phường ĐaKao, Quận 1) tiếp nhận đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy	- Đối tượng 1,2,3,4: 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm ngàn đồng) - Đối tượng 5: 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng).	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi	<b>1. Điều chỉnh</b> <b>Cách thức thực hiện:</b> - <i>Nộp hồ sơ:</i> Gửi trực tiếp đến Ban Quản lý - <i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Trực tiếp tại Ban Quản lý. <b>2. Điều chỉnh Cơ quan giải</b>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong các khu chế xuất, khu công nghiệp		<p>trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</li> <li>- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng</li> </ul>	<p><b><i>quyết thủ tục hành chính:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Cơ quan có thẩm quyền quyết định:</i> Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.</li> <li>- <i>Cơ quan trực tiếp thực hiện:</i> Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố</li> </ul>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho</li> </ul>	

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.	
4.	Cấp lại giấy phép môi trường	<b>Trường hợp 1:</b> Tối đa 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: + <i>Giấy phép hết hạn</i> gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng;	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Phường ĐaKao, Quận 1) tiếp nhận	- Đối tượng 1: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) - Đối tượng 2: 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm ngàn đồng)	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-	<b>1. Điều chỉnh</b> <b>Cách thức thực hiện:</b> - <i>Nộp hồ sơ:</i> Gửi trực tiếp đến Ban Quản lý - <i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>+ Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung).</p> <p><b>Trường hợp 2:</b> Tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối</p>	<p>đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong các khu chế xuất, khu công nghiệp</p>	<p>- Đối tượng 3: 19.300.000đ (Mười chín triệu ba trăm ngàn đồng)  - Đối tượng 4: 5.800.000đ (Năm triệu tám trăm ngàn đồng)  - Đối tượng 5: 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng).</p>	<p>BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành</p>	<p>Trực tiếp tại Ban Quản lý.</p> <p><b>2. Điều chỉnh Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố</p>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>với trường hợp:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công</p>			<p>chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí</p>	



T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p><i>ngành có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi</i></p>			<p>Minh. - Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố trong các khu chế xuất, khu công nghiệp.</p>	

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.</p> <p><b>Trường hợp 3:</b> Tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ nếu đáp ứng yêu cầu tại trường hợp 2 và thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</li><li>• Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh</li></ul>				

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).</p> <p>Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính của Ban Quản lý.</p>				
5.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác	50 ngày	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công	11.000.000 (Mười một triệu đồng)	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;	<b><i>1. Điều chỉnh Bước 4 trình thực thực</i></b>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	động môi trường		nghiệp Thành phố (số 35 Nguyễn Bình Khiêm, Phường ĐaKao, Quận 1) tiếp nhận đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong các khu chế xuất, khu công nghiệp		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</li> <li>- Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài</li> </ul>	<p><b>hiện:</b></p> <p><i>Bước 4. Phê duyệt và gửi kết quả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.</li> <li>- Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp có trách nhiệm công</li> </ul>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>nguyên và Môi trường</p> <p>- Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Căn cứ Nghị quyết số</p>	<p>khai trên cổng thông tin điện tử quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>2. Điều chỉnh Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp</p>

T T	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>11/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 Hội đồng nhân dân Thành phố về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố trong các khu chế xuất, khu công</p>	<p>Thành phố.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố</p>

<b>T T</b>	<b>Tên TTHC</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
					nghiệp.	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định TTHC bị bãi bỏ</b>
	Lĩnh vực môi trường	
01	Kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án	Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020
02	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020
03	Đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng